CHƯƠNG III

TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

AGGREGATE DEMAND AND FISCAL POLICY

Biên soạn chính: Th.S. Hoàng Văn Kình
Th.S. Phan Thế Công

Giới thiÖu

Tæng cÇu vµ s¶n l-îng c©n b»ng

- *M« h×nh ®¬n gi¶n*
- *Kinh tÕ ®ãng cã sù tham gia cña chÝnh phñ*
- *Trong kinh tÕ më*

ChÝnh s¸ch tµi kho¸

- *Trong lý thuyÕt*
- *Trong thùc tÕ*
- *ChÝnh s¸ch tµi kho¸ vµ th©m hôt ng©n s¸ch*
- *ChÝnh s¸ch tµi kho¸ vµ th¸o lui ®Çu t-*

ThÞ tr-êng hµng ho¸ c©n b»ng vµ ®-êng IS

Gi¶ thiÕt cña ch-¬ng

- Gi¸ c¶ æn ®Þnh
- Møc tæng cung lµ ®· cho, c¸c h·ng cã kh¶ n¨ng vµ s½n sµng ®¸p øng mäi nhu cÇu cña nÒn kinh tÕ. Khi ®ã, tæng cÇu mét m×nh quyÕt ®Þnh møc s¶n l-îng c©n b»ng.

Tæng cÇu vµ s¶n l-îng c©n b»ng

Tæng cÇu trong m« h×nh ®¬n gi¶n

- *Hµm tiªu dïng*
- *Hµm ®Çu t-*
- *C©n b»ng*
- *Sè nh©n*

Tæng cÇu trong nÒn kinh tÕ ®ãng cã sù tham gia cña chÝnh phñ

- *Chi tiªu chÝnh phñ vµ tæng cÇu*
- *ThuÕ vµ tæng cÇu*

Tæng cÇu trong nÒn kinh tÕ më

Tæng cÇu trong m« h×nh gi¶n ®¬n

- Tổng cầu là toàn bộ số lượng hàng hóa và dịch vụ mà các hộ gia đình và các doanh nghiệp dự kiến chi tiêu, tương ứng với mức thu nhập của họ
- Trong nền kinh tế giản đơn AD = C + I.
- Trong đó: C là cầu về HH & DV tiêu dùng của các hộ gia đình, I là cầu về hàng hóa đầu tư của các DN tư nhân.

Các yếu tố tác động đến tiêu dùng

- Tiền công và tiền lương (thu nhập)
- Của cải hay tài sản (tài sản thực và tài sản tài chính)
- Sự can thiệp của chính phủ
- Các yếu tố xã hội, tâm lý, tập quán sinh hoạt,...

HÀM TIÊU DÙNG

- Trong nền kinh tế giản đơn, ta có hàm tiêu dùng: $C = \bar{C} + MPC.Y$.
- Trong nền kinh tế giản đơn: $Y = Y_D$.
- MPC là xu hướng tiêu dùng cận biên
- Giá trị của $0 < MPC = \Delta C/\Delta Y < 1$.
- $\bar{C}$ là tiêu dùng tự định - mức tiêu dùng không phụ thuộc vào thu nhập (hay mức tiêu dùng tối thiểu)

HÀM TIẾT KIỆM

- **Tiết kiệm S = Y – C**
- **Hàm tiết kiệm: (MPC + MPS = 1)**

$$S = -\overline{C} + (1 - MPC).Y$$

hay

$$S = -\overline{C} + MPS.Y$$

- **Xu hướng tiết kiệm cận biên MPS có giá trị trong khoảng: 0 < MPS < 1**

ĐỒ THỊ ĐƯỜNG TIÊU DÙNG VÀ ĐƯỜNG TIẾT KIỆM

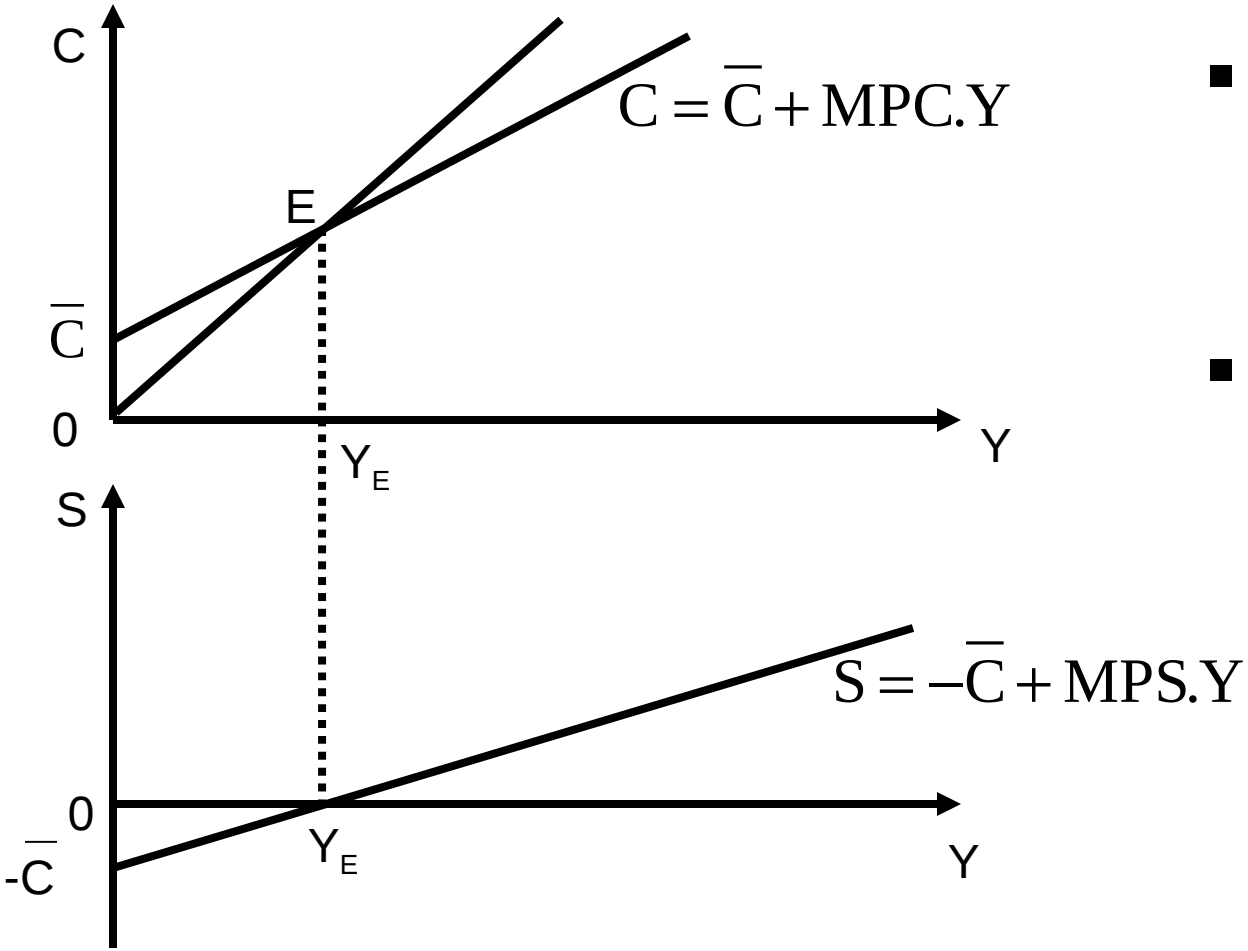

- **Y_E là mức thu nhập vừa đủ cho tiêu dùng.**
- **Tại điểm vừa đủ E, tiết kiệm sẽ bằng không.**

HÀM ĐẦU TƯ

- Khái niệm và vai trò của đầu tư
- Các yếu tố tác động đến đầu tư
- Hàm số và đồ thị đường đầu tư

KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẦU TƯ

- Trong các hoạt động kinh tế, hay trong một số môn học khác, việc bỏ tiền để mua chứng khoán hay mua máy móc cho sản xuất đều được gọi là đầu tư.
- Trong kinh tế vĩ mô, hoạt động kinh tế mua sắm máy móc là hoạt động đầu tư.
- Đầu tư là hoạt động mua "tư bản hiện vật" như máy móc, xây dựng nhà xưởng,... nhằm thay thế một phần tài sản đã hao mòn và để nâng cao năng lực sản xuất của doanh nghiệp.

BA NGUỒN TÀI TRỢ CHÍNH CHO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- Lợi nhuận của doanh nghiệp có thể để lại cho đầu tư.
- Phát hành cổ phiếu được các hộ gia đình mua được từ các khoản tiết kiệm của mình.
- Đi vay khoản tiết kiệm của công chúng một cách gián tiếp thông qua các trung gian tài chính, hay trực tiếp bằng cách phát hành trái phiếu.

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐẦU TƯ

- Mức cầu về sản phẩm do đầu tư mới tạo ra.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí đầu tư: lãi suất, thuế,...
- Dự đoán của các doanh nghiệp về tình trạng của nền kinh tế, dự định bổ sung vào tài sản cố định và hàng tồn kho để sản xuất và bán trong tương lai.

HÀM SỐ VÀ ĐỒ THỊ ĐƯỜNG ĐẦU TƯ

- **Hàm đầu tư:** $$I = \bar{I} - b.i$$

i là lãi suất; I là tổng đầu tư; b là hệ số phản ánh độ nhạy cảm của đầu tư với lãi suất

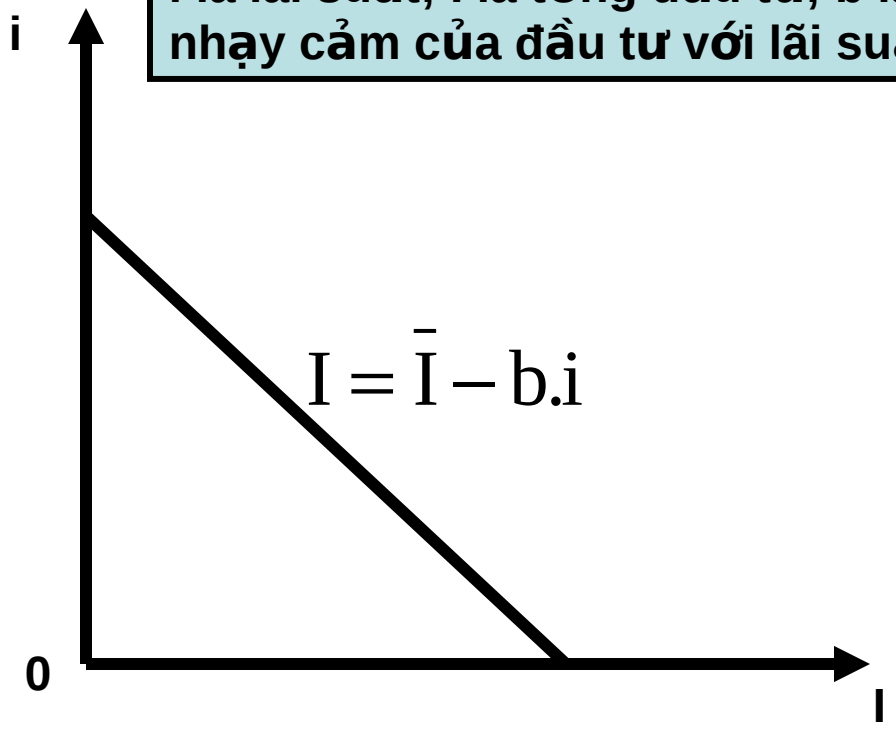

TỔNG CẦU TRONG NỀN KINH TẾ GIẢN ĐƠN

- Giả định đầu tư không phụ thuộc vào sản lượng và thu nhập hiện tại khi đó I = $\bar{I}$

Nền kinh tế giản đơn

$$AD = \bar{C} + \bar{I} + MPC.Y$$

$$AD = \bar{C} + \bar{I} + MPC.Y = Y$$

$$Y + MPC.Y = \bar{C} + \bar{I}$$

$$(1 + MPC)Y = \bar{C} + \bar{I}$$

$$Y = \frac{1}{1 + MPC}\left(\bar{C} + \bar{I}\right)$$

SỐ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ GIẢN ĐƠN

$$m = \frac{1}{1 - MPC}$$

- **Số nhân chi tiêu m có giá trị dương**
- **Nếu m càng lớn thì mức thu nhập của nền kinh tế càng cao.**

H×nh minh ho¹

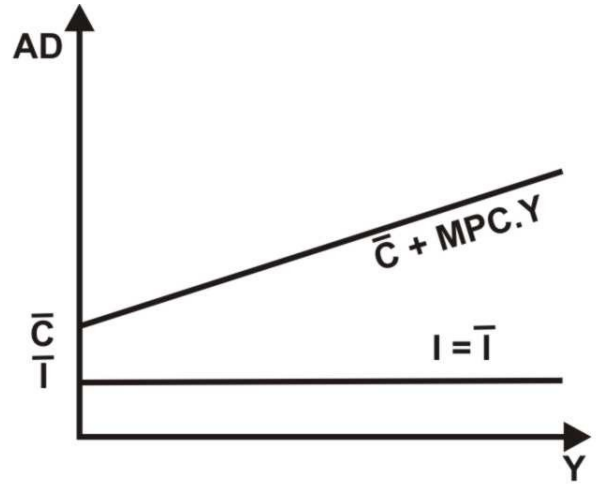
AD
$\bar{C}$ + MPC.Y
$\bar{C}$
$\bar{I}$
I = $\bar{I}$
Y

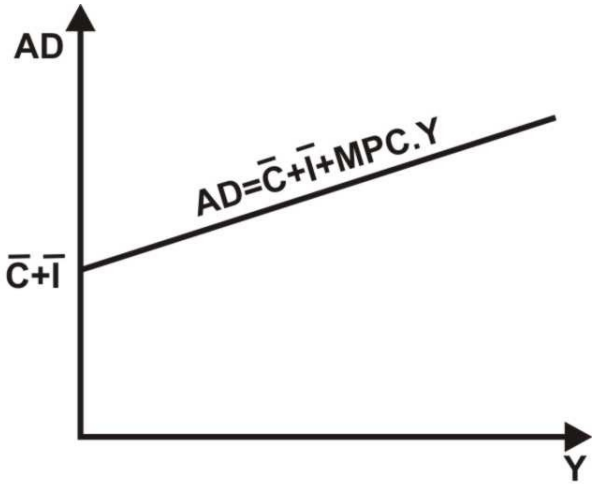
AD
AD=$\bar{C}$+$\bar{I}$+MPC.Y
$\bar{C}$+$\bar{I}$
Y

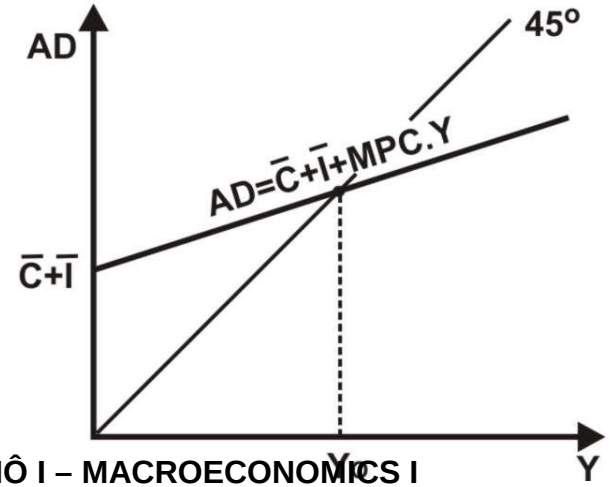
AD
45°
AD=$\bar{C}$+$\bar{I}$+MPC.Y
$\bar{C}$+$\bar{I}$
Y

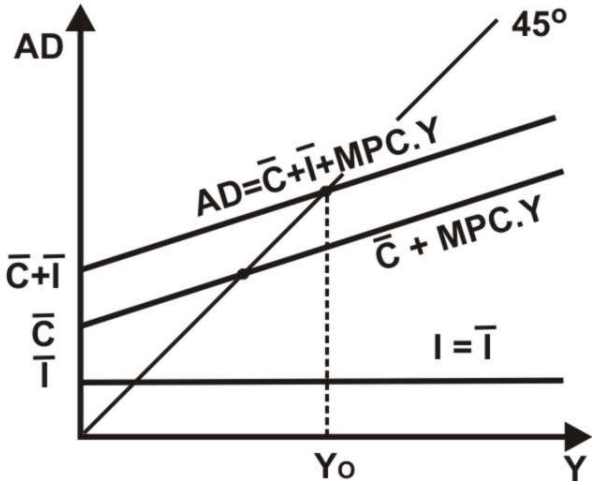
AD
45°
AD=$\bar{C}$+$\bar{I}$+MPC.Y
$\bar{C}$ + MPC.Y
$\bar{C}$+$\bar{I}$
$\bar{C}$
$\bar{I}$
I = $\bar{I}$
Yo
Y

Tæng cÇu trong nÒn kinh tÕ ®ãng (Cã sù tham gia cña chÝnh phñ)

Có chính phủ

$$AD = \overline{C} + \overline{I} + \overline{G} + MPC.Y$$

$$Y = \frac{1}{1 - MPC}\left(\overline{C} + \overline{I} + \overline{G}\right)$$

b. Thuế và tổng cầu trong mô hình giản đơn

Có thuế (mức thuế không đổi)

$$AD = \overline{C} + \overline{I} + \overline{G} + MPC(Y - \overline{T}) + Y$$

$$Y - MPC.Y = \overline{C} + \overline{I} + \overline{G} - MPC.\overline{T}$$

$$(1 - MPC)Y = \overline{C} + \overline{I} + \overline{G} - MPC.\overline{T}$$

$$Y = \frac{1}{1 - MPC}\left(\overline{C} + \overline{I} + \overline{G}\right) - \frac{MPC}{1 - MPC}\overline{T}$$

SỐ NHÂN VỀ THUẾ

$$m_t = \frac{-MPC}{1 - MPC}$$

- **Số nhân chi tiêu m_t có giá trị âm**
- **Nếu giá trị tuyệt đối của m_t càng lớn thì mức thu nhập của nền kinh tế càng giảm.**

c. ThuÕ phô thuéc thu nhËp

Có thuế, (thuế phụ thuộc vào thu nhập)

$$AD = \overline{C} + \overline{I} + \overline{G} + MPC(Y - t.Y) = Y$$

$$Y - MPC(1-t)Y = \overline{C} + \overline{I} + \overline{G}$$

$$[1 - MPC(1-t)]Y = \overline{C} + \overline{I} + \overline{G}$$

$$Y = \frac{1}{1 - MPC(1-t)}\left(\overline{C} + \overline{I} + \overline{G}\right)$$

SỐ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ ĐÓNG

$$m' = \frac{1}{1 - MPC.(1 - t)}$$

- **Số nhân chi tiêu m’ có giá trị dương**
- **Nếu m’ càng lớn thì mức thu nhập của nền kinh tế càng tăng.**

d. Cã khu vùc n-íc ngoµi

Có khu vực nước ngoài

$$AD = \overline{C} + \overline{I} + \overline{G} + \overline{NX} + [MPC(1-t) - MPM]Y = Y$$

$$Y - [MPC(1-t) - MPM]Y = \overline{C} + \overline{I} + \overline{G} + \overline{NX}$$

$$[1 - MPC(1-t) + MPM]Y = \overline{C} + \overline{I} + \overline{G} + \overline{NX}$$

$$Y = \frac{1}{1 - MPC(1-t) + MPM}(\overline{C} + \overline{I} + \overline{G} + \overline{NX})$$

SỐ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ MỞ

$$m'' = \frac{1}{1 - MPC.(1 - t) + MPM}$$

- **Số nhân chi tiêu m’’ có giá trị dương**
- **Nếu m’’ càng lớn thì mức thu nhập của nền kinh tế càng tăng.**

SO SÁNH SỐ NHÂN TRONG CÁC NỀN KINH TẾ

- Số nhân trong nền kinh tế giản đơn (m)
- Số nhân trong nền kinh tế đóng (m’)
- Số nhân trong nền kinh tế mở (m’’)
- So sánh số nhân: m > m’ > m’’
- Số nhân về thuế: m_t
- Số nhân NS cân bằng: $m^* = m + m_t$

II. ChÝnh s¸ch tµi kho¸

1. ChÝnh s¸ch tµi kho¸ trong lý thuyÕt

- *§iÒu chØnh tù ®éng cña nÒn kinh tÕ*

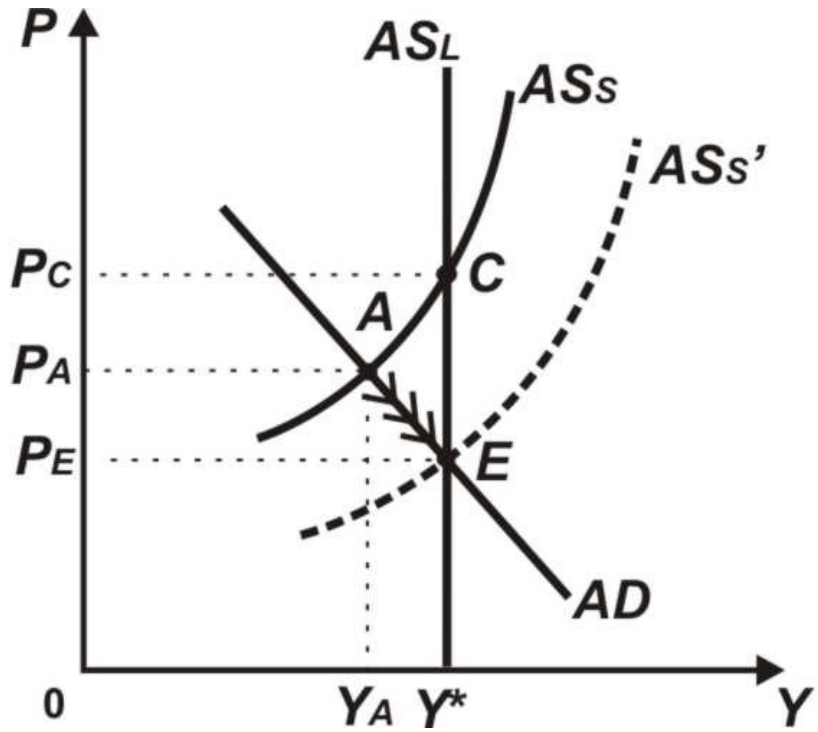

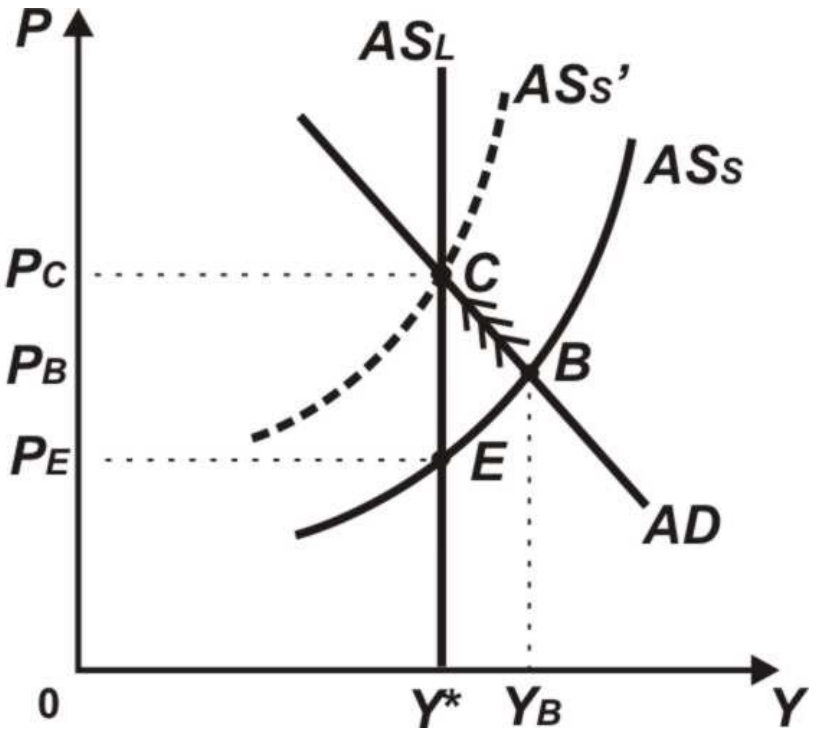

ChÝnh s¸ch tµi kho¸

ChÝnh s¸ch tµi kho¸ trong lý thuyÕt

- *Chñ ®éng ®iÒu chØnh*

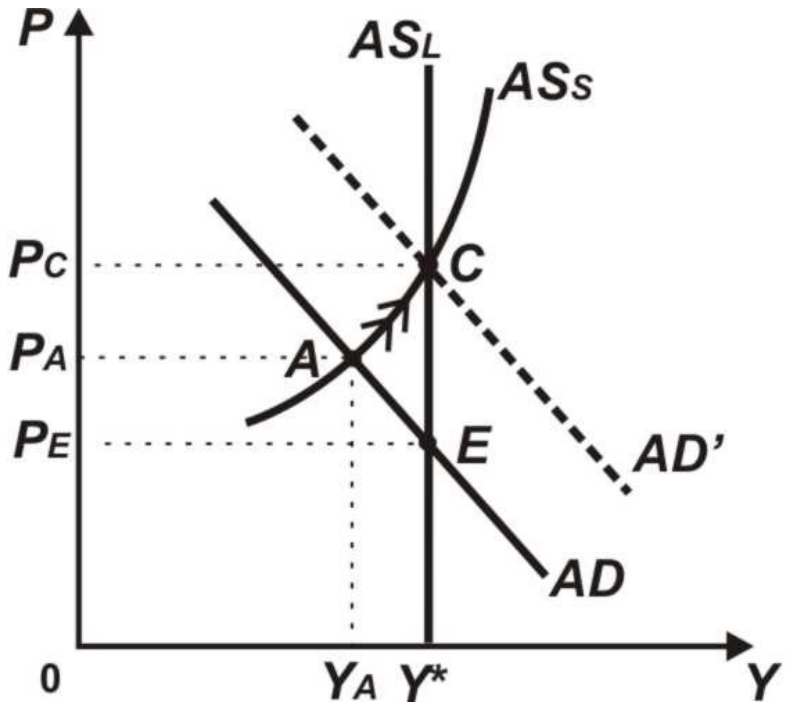

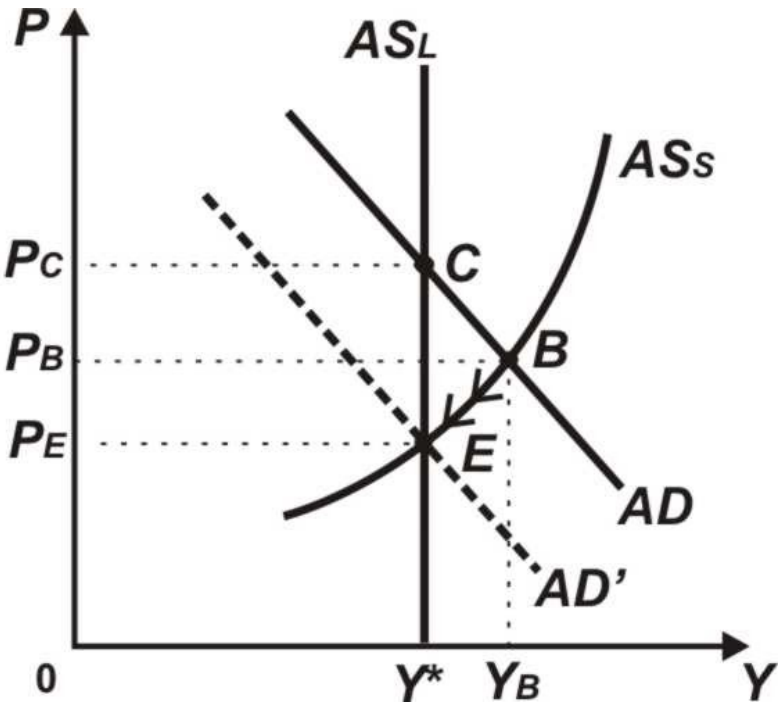

Ưu nh-îc ®iÓm của 2 cơ chế

§iÒu chØnh tù ®éng	§iÒu chØnh b»ng chÝnh s¸ch
-§¬n gi¶n -Qu¸ tr×nh ®iÒu chØnh l©u -Kh«ng trÖch h-íng	-CÇn nghiªn cøu kü CS -Qu¸ tr×nh ®iÒu chØnh nhanh -Cã thÓ sai lÇm, ®i xa môc tiªu h¬n

ChÝnh s¸ch tµi kho¸ trªn thùc tÕ

- DÔ bÞ t¸c ®éng ý chÝ chñ quan, phô thuéc nhiÒu vµo kinh nghiÖm, kh¶ n¨ng cña nhµ l·nh ®¹o
- Rñi ro kh«ng nhá
- §é trÔ bªn trong do nghiªn cøu
- §é trÔ bªn ngoµi do triÓn khai

ChÝnh s¸ch tµi kho¸ vµ th©m hôt ng©n s¸ch

- **Th©m hôt ng©n s¸ch**

$$B = T - G$$

  - *Th©m hôt ng©n s¸ch thùc tÕ*
  - *Th©m hôt ng©n s¸ch c¬ cÊu*
  - *Th©m hôt ng©n s¸ch chu kú (do chu kú kinh doanh)*

- **BiÖn ph¸p kh¾c phôc th©m hôt ng©n s¸ch**
  - *Vay nî trong n-íc*
  - *Vay nî n-íc ngoµi*

Sö dông dù tr÷

Vay ng©n hµng (in tiÒn)

PHÂN BIỆT 3 KHÁI NIỆM THÂM HỤT NGÂN SÁCH

- **Thâm hụt ngân sách thực tế: là thâm hụt khi số chi thực tế vượt số thu thực tế trong một thời kỳ nhất định.**
- **Thâm hụt ngân sách cơ cấu: là thâm hụt tính toán trong trường hợp nếu nền kinh tế hoạt động ở mức sản lượng tiềm năng.**
- **Thâm hụt ngân sách chu kỳ: là thâm hụt ngân sách bị động do tình trạng của chu kỳ kinh doanh.**

CSTK CÙNG CHIỀU VỚI CHU KỲ KINH DOANH

- Nếu mục tiêu của chính phủ là luôn đạt được ngân sách cân bằng dù sản lượng có thể thay đổi bất kỳ.
- Khi nền kinh tế suy thoái, ngân sách thâm hụt, chính phủ giảm chi, hoặc tăng thuế hoặc sử dụng cả 2, ngân sách sẽ cân bằng trở lại; đổi lại, chi tiêu của nền kinh tế sẽ giảm đi, sản lượng cũng sẽ giảm theo, suy thoái trầm trọng hơn.

CSTK NGƯỢC CHIỀU VỚI CHU KỲ KINH DOANH

- CSTK ngược chiều: Nếu mục tiêu của chính phủ là giữ cho nền kinh tế luôn ở mức sản lượng tiềm năng với mức việc làm đầy đủ.
- Khi nền kinh tế suy thoái, chính phủ cần tăng chi tiêu, hoặc giảm thuế, hoặc áp dụng cả 2 nhằm giữ cho chi tiêu ở mức cao, sản lượng tăng lên đến mức sản lượng tiềm năm; đổi lại ngân sách sẽ bị thâm hụt (thâm hụt cơ cấu).

CÁC BIỆN PHÁP BÙ ĐẮP THÂM HỤT NGÂN SÁCH

- Vay nợ trong nước
- Vay nợ nước ngoài
- Sử dụng dự trữ ngoại tệ
- Vay ngân hàng (in tiền)
- Bán tài sản công, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân hóa.
- Ghi chú: mỗi biện pháp đều có ảnh hưởng phụ đến nền kinh tế

GSO Ngân sách Nhà nước

Quyết toán thu ngân sách Nhà nước

Tải về

Tỷ đồng

	2000	2001	2002	2003
TỔNG THU	**90749**	**103888**	**123860**	**152274**
Thu trong nước (Không kể thu từ dầu thô)	**46233**	**52647**	**63530**	**78687**
Thu từ doanh nghiệp Nhà nước	19692	23149	25066	28748
Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4735	5702	7276	9942
Thu từ khu vực công, thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	5802	6723	7764	10361
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1776	814	772	151
Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	1831	2058	2338	2951
Lệ phí trước bạ	934	1191	1332	1817
Thu xổ số kiến thiết	1969	2457	3029	3657
Thu phí xăng dầu	2192	2537	2995	3204
Thu phí, lệ phí	2713	2583	3021	3279
Các khoản thu về nhà đất	2823	3879	5486	10546
Các khoản thu khác	1766	1554	4451	4031
Thu từ dầu thô	**23534**	**26281**	**26510**	**36773**
Thu từ hải quan	**18954**	**22949**	**31571**	**33845**
Thuế xuất, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	13437	17458	21915	21374
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5386	5375	9488	12338
Thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu	131	116	168	133
Thu viện trợ không hoàn lại	**2028**	**2011**	**2249**	**2969**

GSO Ngân sách Nhà nước

Cơ cấu thu ngân sách Nhà nước

Tải về

%

	2000	2001	2002	2003
TỔNG THU	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**
Thu trong nước (Không kể thu từ dầu thô)	**50,95**	**50,68**	**51,29**	**51,67**
Thu từ doanh nghiệp Nhà nước	21,70	22,28	20,24	18,88
Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	5,22	5,49	5,87	6,53
Thu từ khu vực công, thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	6,39	6,47	6,27	6,80
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1,96	0,78	0,62	0,10
Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	2,02	1,98	1,89	1,94
Lệ phí trước bạ	1,03	1,15	1,07	1,19
Thu xổ số kiến thiết	2,17	2,37	2,45	2,40
Thu phí xăng dầu	2,41	2,44	2,42	2,10
Thu phí, lệ phí	2,99	2,49	2,44	2,15
Các khoản thu về nhà đất	3,11	3,73	4,43	6,93
Các khoản thu khác	1,95	1,50	3,59	2,65
Thu từ dầu thô	**25,93**	**25,30**	**21,40**	**24,15**
Thu từ hải quan	**20,89**	**22,08**	**25,49**	**22,23**
Thuế xuất, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	14,81	16,80	17,69	14,04
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5,94	5,17	7,66	8,10
Thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu	0,14	0,11	0,14	0,09
Thu viện trợ không hoàn lại	**2,23**	**1,94**	**1,82**	**1,95**

GSO Ngân sách Nhà nước

Quyết toán chi ngân sách Nhà nước

Tải về

Tỷ đồng

	2000	2001	2002	2003
TỔNG CHI	**108961**	**129773**	**148208**	**181183**
Trong tổng chi				
Chi đầu tư phát triển	**29624**	**40236**	**45218**	**59629**
Trong đó: Chi XDCB	26211	36139	40740	54430
Chi phát triển sự nghiệp kinh tế xã hội	**61823**	**71562**	**78039**	**95608**
Trong đó:				
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	12677	15432	17844	22881
Chi sự nghiệp y tế	3453	4211	4656	5372
Chi dân số kế hoạch hoá gia đình	559	434	841	666
Chi sự nghiệp khoa học và CNMT	1243	1625	1852	1853
Chi sự nghiệp văn hoá, thông tin	919	921	1066	1258
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	717	838	681	1056
Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	387	483	586	648
Chi lương hưu, đảm bảo xã hội	10739	13425	13221	16451
Chi sự nghiệp kinh tế	5796	6288	7987	8164
Chi quản lý hành chính	8089	8734	8599	11359
Chi bổ sung quĩ dự trữ tài chính	**846**	**849**	**535**	**111**

GSO Ngân sách Nhà nước

Cơ cấu chi ngân sách Nhà nước

Tải về

%

	2000	2001	2002	2003
TỔNG CHI	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**
Trong tổng chi				
Chi đầu tư phát triển	**27,19**	**31,00**	**30,51**	**32,91**
Trong đó: Chi XDCB	24,06	27,85	27,49	30,04
Chi phát triển sự nghiệp kinh tế xã hội	**56,74**	**55,14**	**52,66**	**52,77**
Trong đó				
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	11,63	11,89	12,04	12,63
Chi sự nghiệp y tế	3,17	3,24	3,14	2,96
Chi dân số kế hoạch hoá gia đình	0,51	0,33	0,57	0,37
Chi sự nghiệp khoa học và CNMT	1,14	1,25	1,25	1,02
Chi sự nghiệp văn hoá, thông tin	0,84	0,71	0,72	0,69
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	0,66	0,65	0,46	0,58
Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	0,36	0,37	0,40	0,36
Chi lương hưu, đảm bảo xã hội	9,86	10,34	8,92	9,08
Chi sự nghiệp kinh tế	5,32	4,85	5,39	4,51
Chi quản lý hành chính	7,42	6,73	5,80	6,27
Chi bổ sung quĩ dự trữ tài chính	**0,78**	**0,65**	**0,36**	**0,06**

VẤN ĐỀ THÁO LUI ĐẦU TƯ

- Khi G t¨ng hoÆc T gi¶m, nhu cÇu tiÒn tÖ t¨ng khiÕn l·i suÊt t¨ng. L·i suÊt t¨ng th¸o lui ®Çu t-.
- Về mặt ngắn hạn, quy mô của tháo lui đầu tư là nhỏ, nhưng trong dài hạn, quy mô này có thể rất lớn.
- CÇn kÕt hîp hµi hoµ hai chÝnh s¸ch tµi kho¸ vµ tiÒn tÖ

ThÞ tr-êng hµng ho¸ vµ ®-êng IS

ThÞ tr-êng hµng ho¸ c©n b»ng

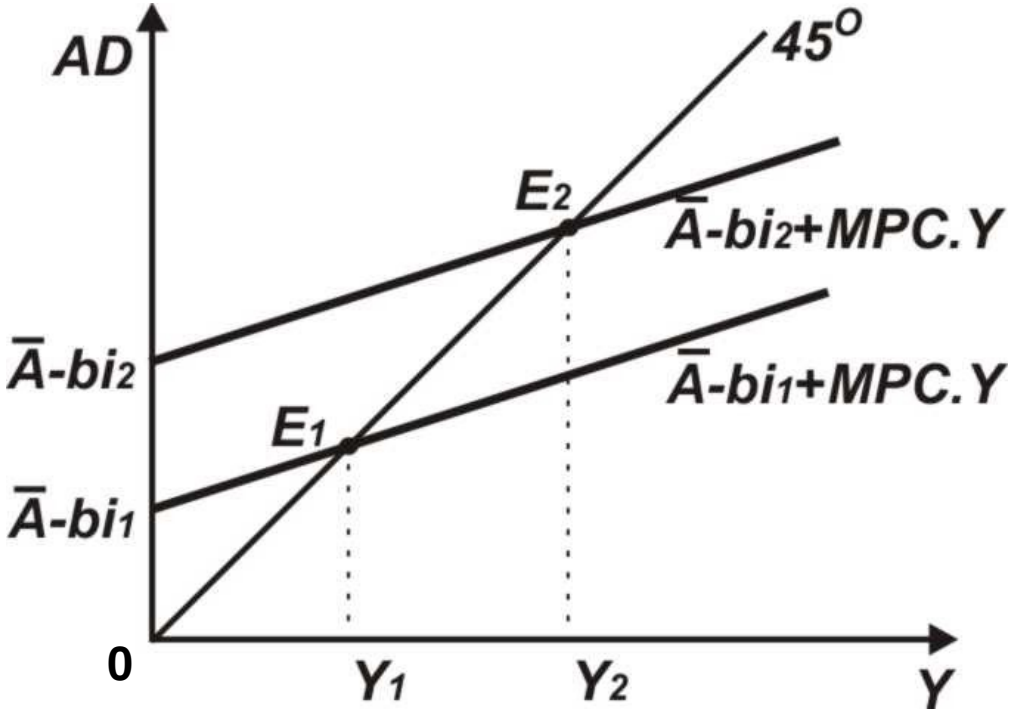

ThiÕt lËp ®-êng IS

- L·i suÊt kh¸c nhau
- S¶n l-îng c©n b»ng kh¸c nhau
- Trôc ®o l-êng kh¸c nhau

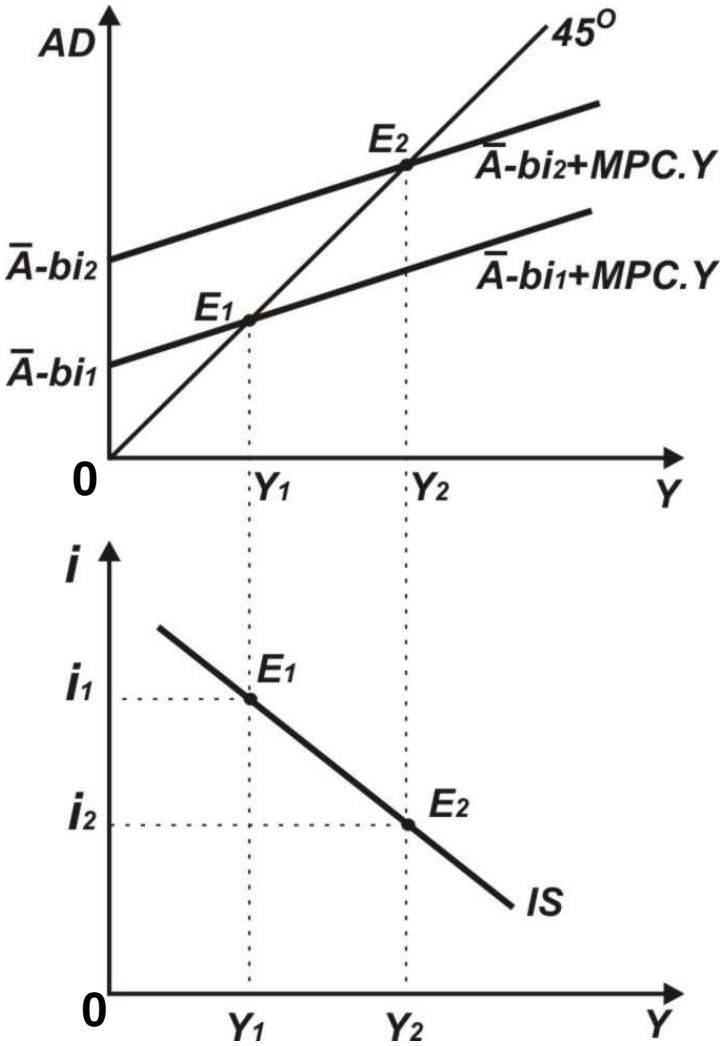

§iÓm n»m ngoµi ®-êng IS

- PhÝa trªn IS lµ thõa hµng
- PhÝa d-íi IS lµ thiÕu hµng

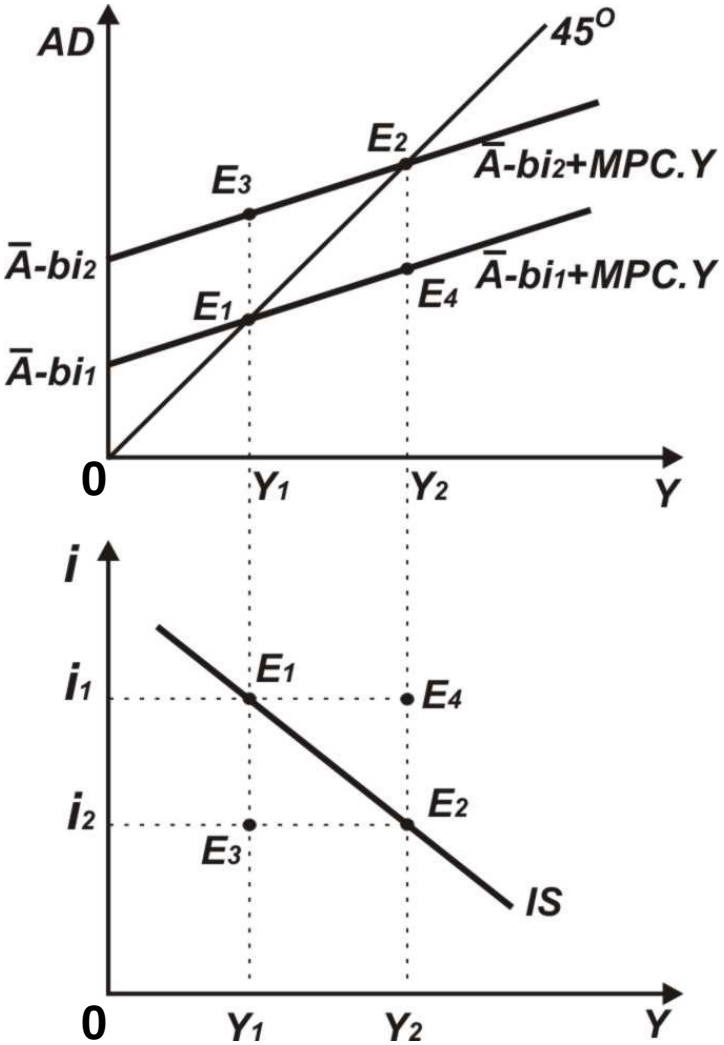

CÁC YẾU TỐ LÀM THAY ĐỔI VỊ TRÍ IS

$$i = \frac{\overline{A}}{b} - \frac{1}{b.m''}.Y;$$

$$\overline{A} = \overline{C} + \overline{I} + \overline{G} + \overline{X} - \overline{IM}$$

- **Nếu các biến ngoại sinh (biến tự định) thay đổi, đường IS sẽ dịch chuyển song song so với vị trí ban đầu.**
- **Nếu b và m'' thay đổi, đường IS sẽ thay đổi độ dốc.**

Vị trí của đường IS sẽ phụ thuộc vào…

- Chi tiªu cña hé gia ®×nh thay ®æi
- Chi tiªu cña chÝnh phñ thay ®æi
- Đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân
- XuÊt nhËp khÈu thay ®æi
- Tû gi¸ hèi ®o¸i thay ®æi
- ThuÕ xuÊt nhËp khÈu thay ®æi
- …….